



TAN CANG PILOT COMPANY LIMITED

PLANNING TO LEAD THE SHIPS 06/09/2026 (Sunday)

TIDE TIME

Water Level	Vung Tau	Cat Lai	Flow
3	22:27	00:30	↙
2.9	01:07	05:45	↗
3.2	05:56	09:00	↙
0.7	15:03	18:30	↗
3.2	23:54	02:30	↙
3	04:01	07:00	↗

No.	Pilot	Arriving ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	M.Hải - Vinh	ARCHER	10.1	223	27,779	P/s3 - CL4-5	05:00		A1-A6
2	M.Cường - T.Dũng	KMTC BANGKOK	9.7	173	18,318	P/s3 - BP6	05:00	Tăng cường dây	A3-A5
3	Quyền	PHUONG NAM 189	6.8	80	2,785	H25 - CanGio	05:00	SR	
4	N.Thanh	NICOLAI MAERSK	10.8	199	27,733	P/s3 - CL5	06:00	//0830	A1-A6
5	Quyết	MAERSK PORT KLANG	10.8	186	32,416	P/s3 - CL7	22:30	MT	A3-A5
6	P.Hung - Th.Tùng	WAN HAI 291	10.5	175	20,899	P/s3 - BNPH	05:30		A2-SG96
7	Chính	JOSCO CORA	6.9	142	9,587	H25 - TCHP	14:00	SR	08-SG98
8	Đức - P.Tuấn	WAN HAI 377	9.5	204	30,676	P/s3 - CL3	22:00		
9	Kiên	ZHONG GU BEI HAI	9.6	172	18,490	P/s3 - CL4	22:00		
10	Đào	HAIAN IRIS	8	147	9,963	P/s3 - BNPH	22:00		
11	Uy	TIDE CAPTAIN	7	162	13,406	H25 - TCHP	01:00	SR	
12	Nhật - Quân	TANCANG 86+TC18	3.4	175	4,733	H25 - 696	15:00	ĐX	

No.	Pilot	Cai Mep ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	Hồng - Th.Hùng	ONE HANNOVER	11.7	336	98,747	P/s3 - CM2	23:30	MP-VTX	MR-KS
2	N.Dũng - B.Long	COSCO SHIPPING YANGPU	11.3	366	157,741	P/s3 - CM4	12:30	MP-VTX	A9-A10-H9
3	Duyệt - Nghị	NYK FUJI	11	267	44,854	CM4 - P/s3	07:30	MP-VTX	A9-A10
4	Đ.Toản - K.Toàn	ONE STORK	13.8	364	145,251	CM3 - P/s3	15:00	MP-3NM-VTX	MR-KS-AWA
5	A.Tuấn - P.Cần	ONE SINGAPORE	10.1	336	140,233	P/s3 - CM3	15:00	MT-3NM-VTX	MR-KS-AWA
6	N.Dũng - B.Long	ONE HANNOVER	12.2	336	98,747	CM2 - P/s3	23:30	MP-VTX	MR-AWA

No.	Pilot	Departing ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
-----	-------	----------------	---------	--------	-----	-------	-------	------	----------

1	Đ.Long - Duy	SYMEON P	8.8	186	29,421	CL3 - P/s3	00:00		A2-A5
2	N.Cường	STARSHIP URSA	9.7	173	20,920	CL4-5 - P/s3	23:00		A1-A3
3	Đ.Minh	HAIAN ROSE	7.9	172	17,515	TCHP - H25	02:00	SR	08-SG98
4	Đăng	MERATUS JAYAGIRI	9	200	25,535	CL5 - P/s3	09:30		A1-A6
5	V.Tùng	TIDE CAPTAIN	7.8	162	13,406	TCHP - H25	11:00	SR	08-SG98
6	M.Hùng	PHU QUY 126	3	100	4,332	CanGio - G9	14:00	SR	
7	Thịnh	SITC MACAO	9.1	172	17,119	CL1 - P/s3	11:00		A2-01
8	M.Tùng	WAN HAI 286	9.6	175	20,924	CL4 - P/s3	19:00		A1-A3
9	M.Hải	WAN HAI 291	9.3	175	20,899	BNPH - P/s3	18:00		A2-A6
10	Quang - V.Dũng	TERATAKI	7.9	186	29,421	CL3 - P/s3	18:00	Cano DL	A2-A5
11	Hà - Diệu	MCC CEBU	8.5	186	32,828	CL7 - P/s3	10:30	ĐX	
No.	Pilot	Shifting ship	Draught	Length	GRT	Wharf	P.O.B	Note	Tug boat
1	V.Hoàng	MCC CEBU	8.5	186	32,828	CL7 - CL7	00:30	Cano DL	A3-A5
2	V.Hải	KMTC BANGKOK	9.7	173	18,318	BP6 - CL1	17:00		A3-A5



TÂN CẢNG
PILOT
PILOTING TO SUCCESS